

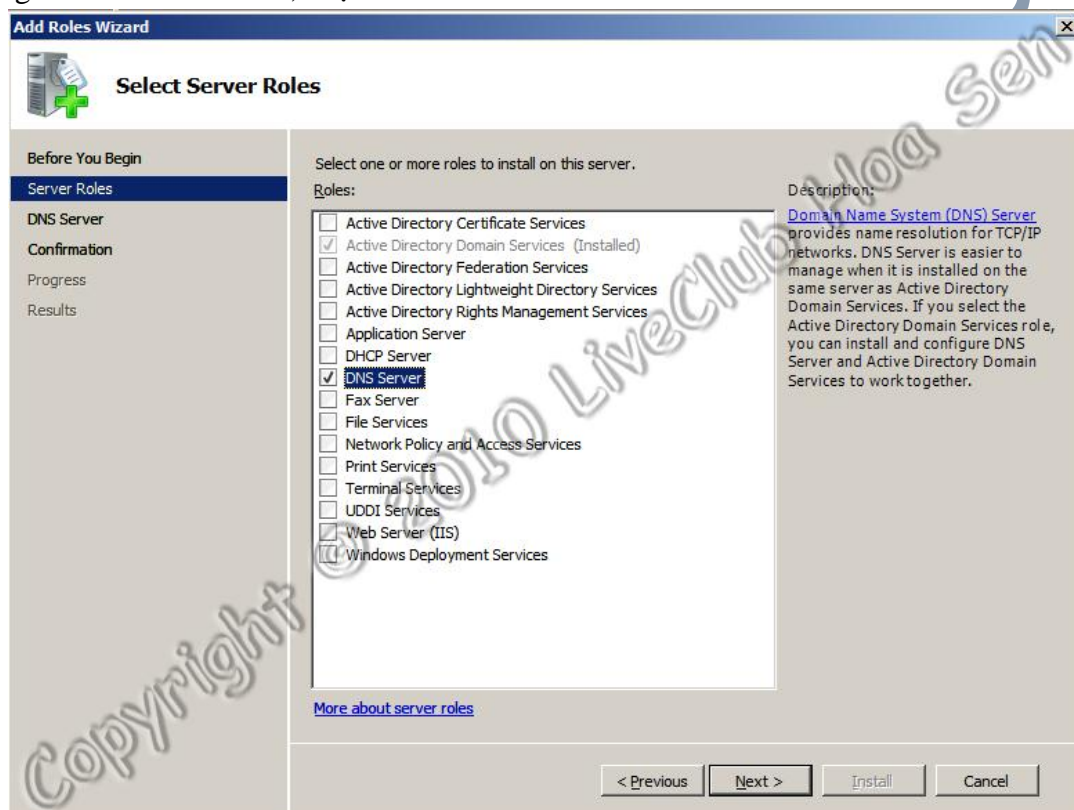
Xây dựng DNS Server

I. Giới thiệu DNS Server:

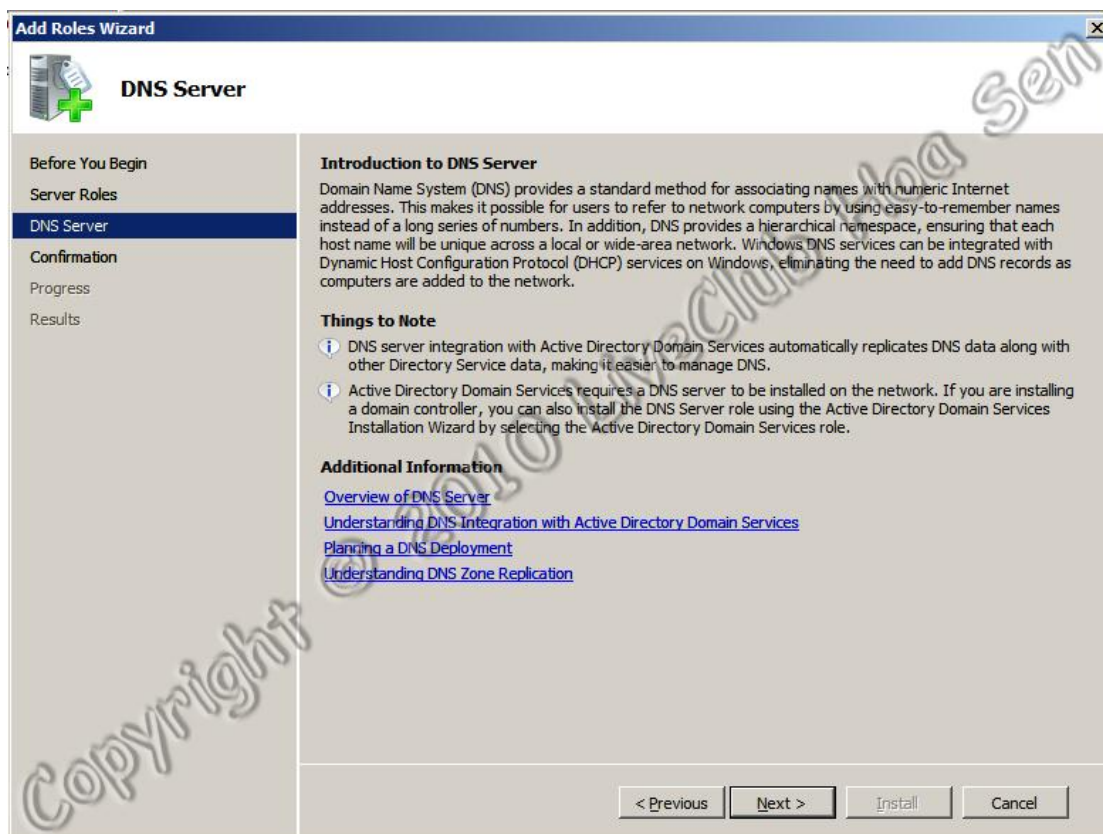
- DNS (Domain Name System) Server là máy chủ được dùng để phân giải domain thành địa chỉ IP và ngược lại. Ví dụ: liveclubhoasen.com \leftrightarrow 192.168.1.1
- Về cách thức hoạt động, DNS Server lưu trữ một cơ sở dữ liệu bao gồm các bản ghi DNS và dịch vụ lắng nghe các yêu cầu. Khi máy client gửi yêu cầu phân giải đến, DNS Server tiến hành tra cứu trong cơ sở dữ liệu và gửi kết quả tương ứng về máy client.

II. Cài đặt DNS Server:

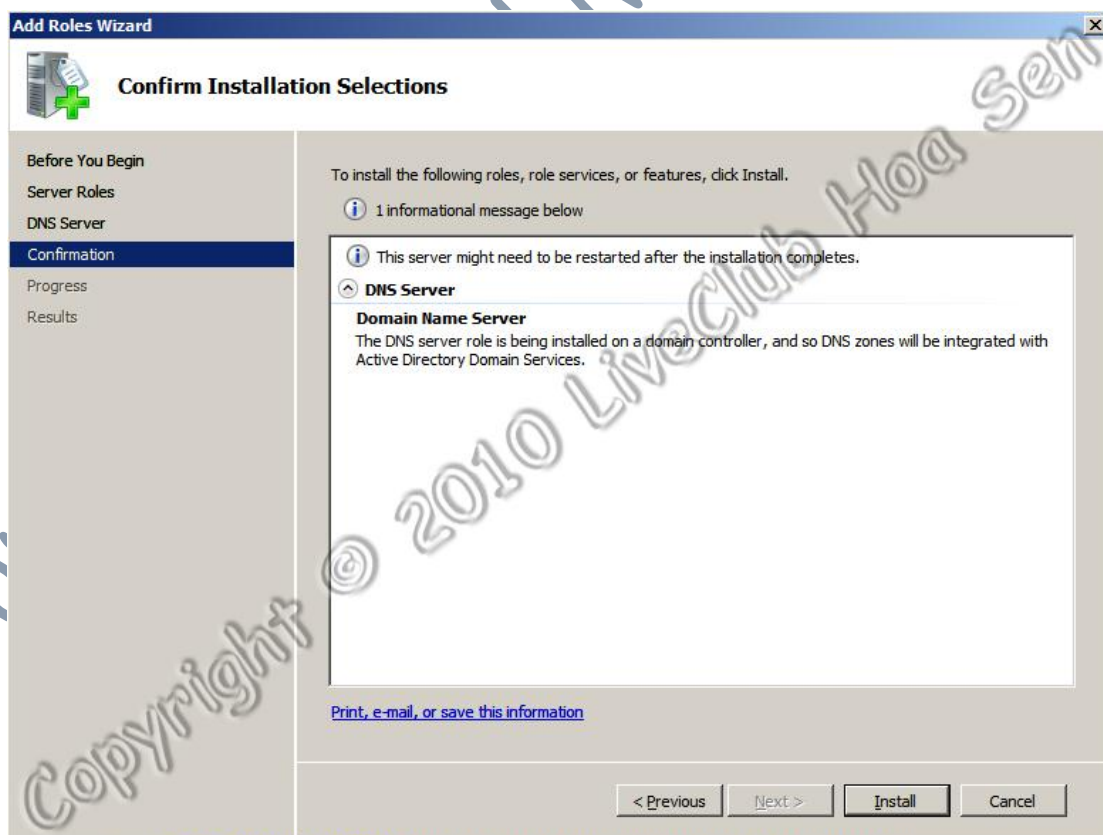
- Vào Server Manager \rightarrow Roles \rightarrow Add Roles.
- Tại bảng Select Server Roles, chọn DNS Server.



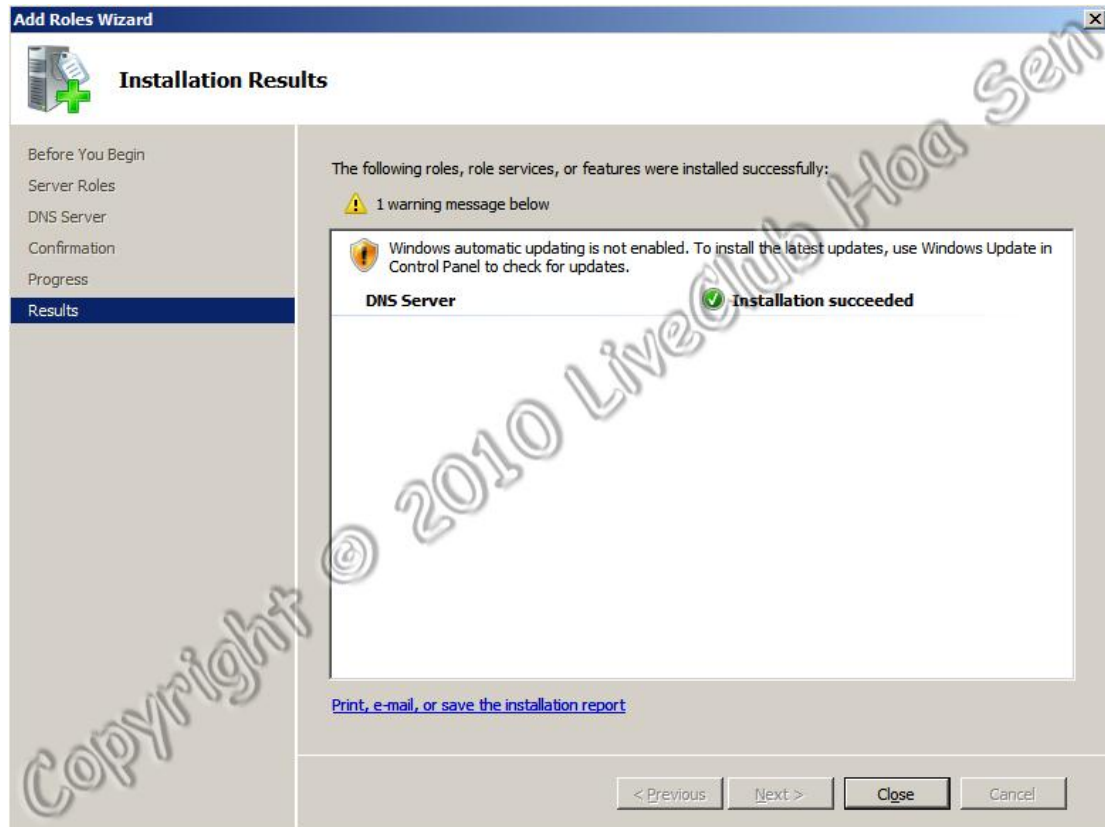
- Chọn Next. Tại bảng DNS Server giới thiệu về DNS Server cũng như một số chú ý trước khi cài đặt tại mục Things to Note.



- Chọn Next. Tại bảng Confirm Installation Selections xác nhận việc cài đặt.



- Chọn Install. Đợi quá trình cài đặt hoàn tất.



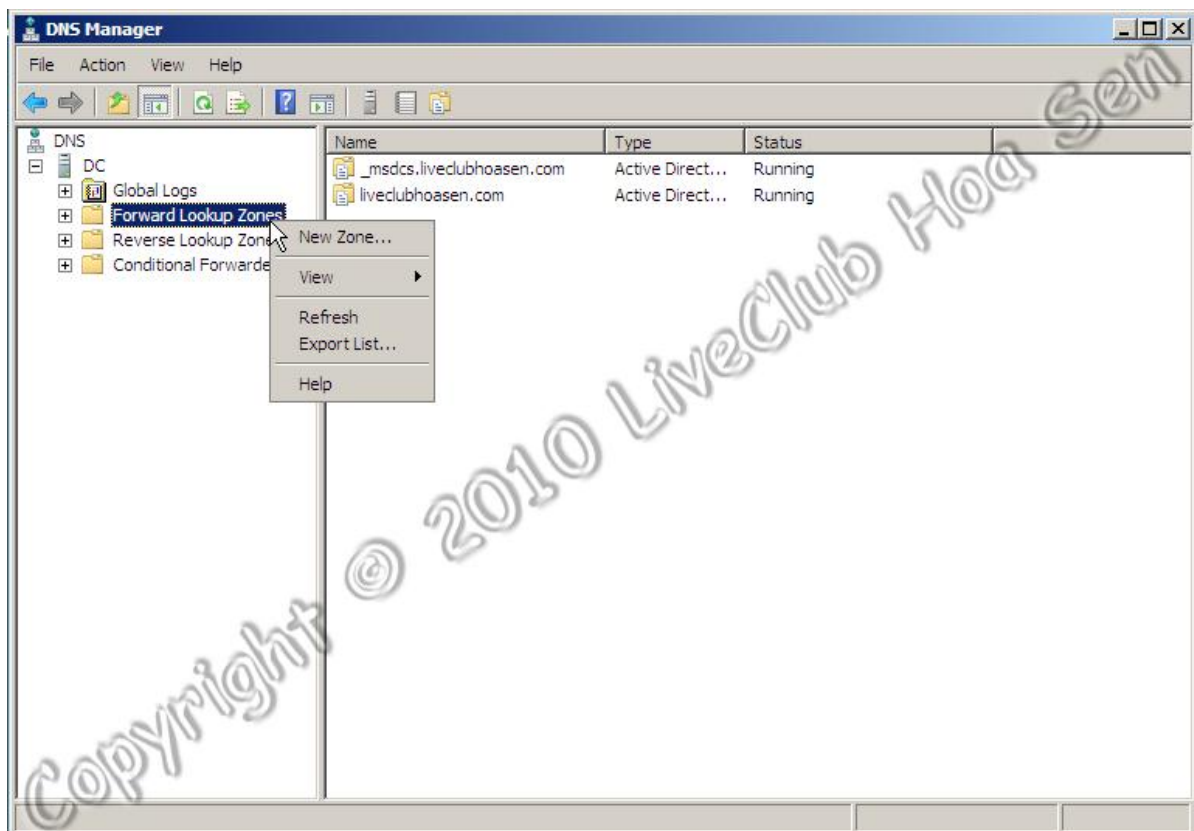
- Chọn Close để hoàn tất cài đặt.

III. Cấu hình DNS Server:

- Đối với DNS Server, thông thường bạn nên xây dựng đồng thời hai hệ thống là DNS Server chính (Primary) và DNS Server dự phòng (Secondary) dùng chung một cơ sở dữ liệu. Với phương pháp này, bạn sẽ hạn chế khả năng dịch vụ DNS bị ngưng khi có sự cố xảy ra trên hệ thống.

1. Cấu hình DNS Server chính:

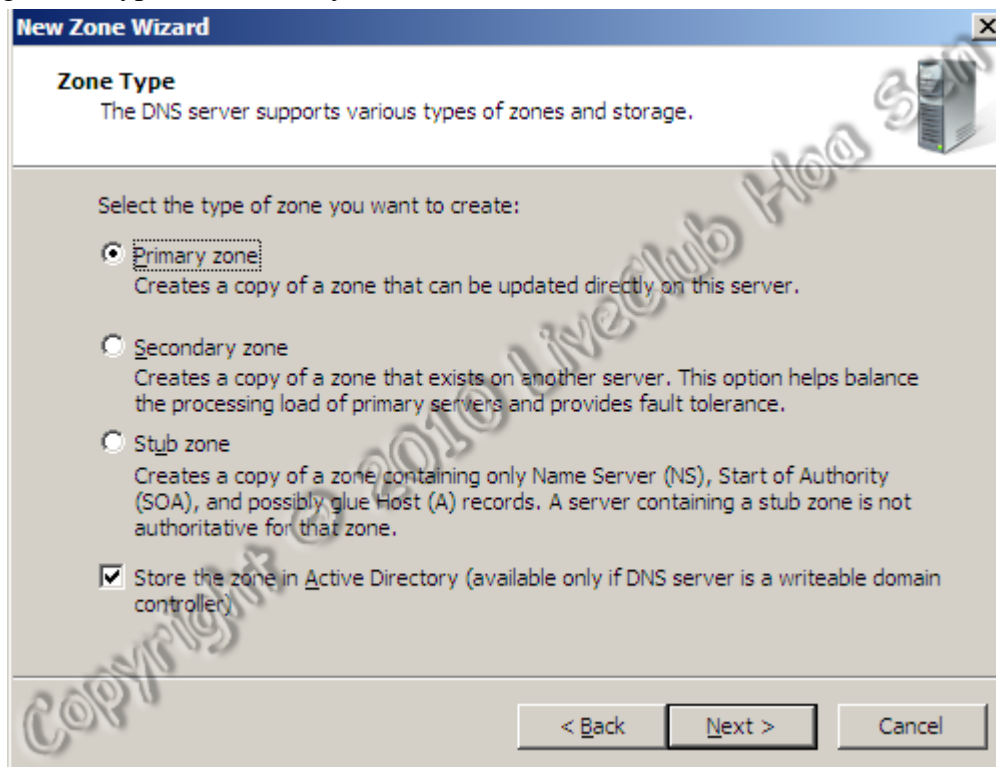
- Vào Start → Administrative Tools → DNS.
- Nhấp chuột phải vào Forward Lookup Zones và chọn New Zone.



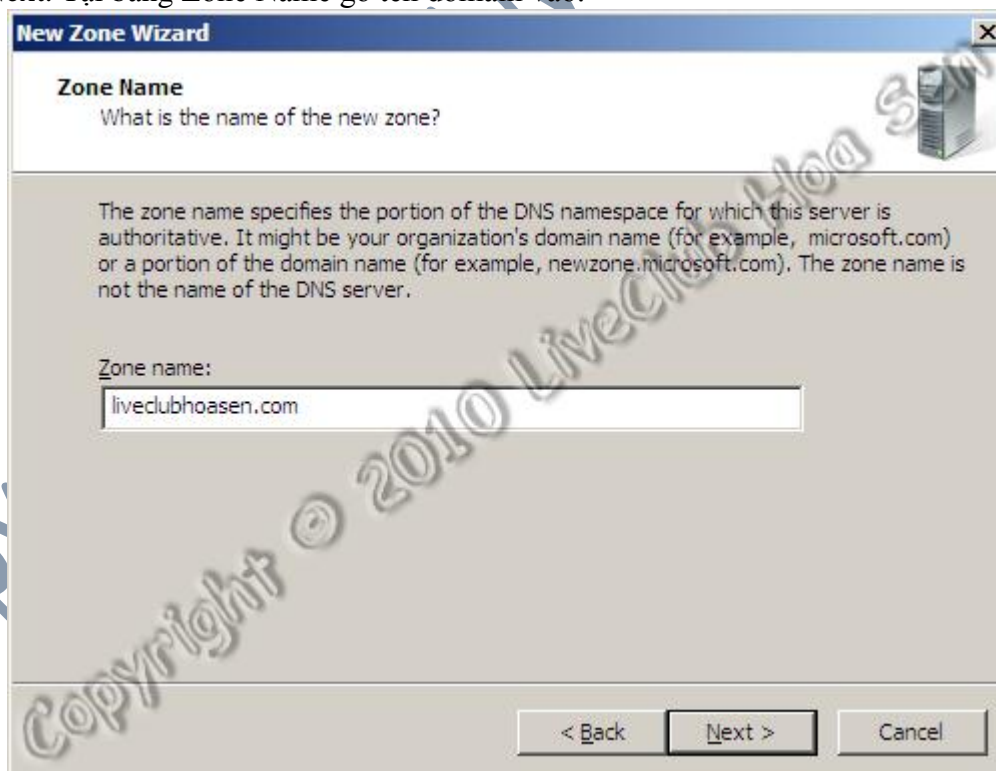
- Tại bảng Welcome to the New Zone Wizard, chọn Next.



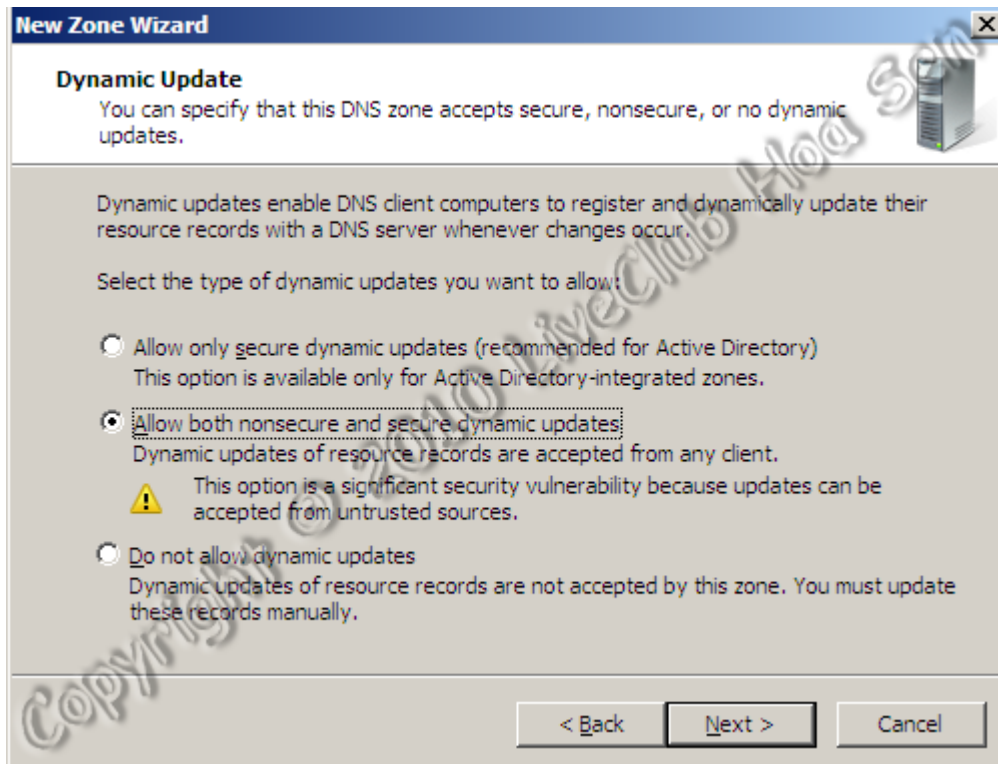
- Tại bảng Zone Type chọn Primary zone để cấu hình DNS Server chính.



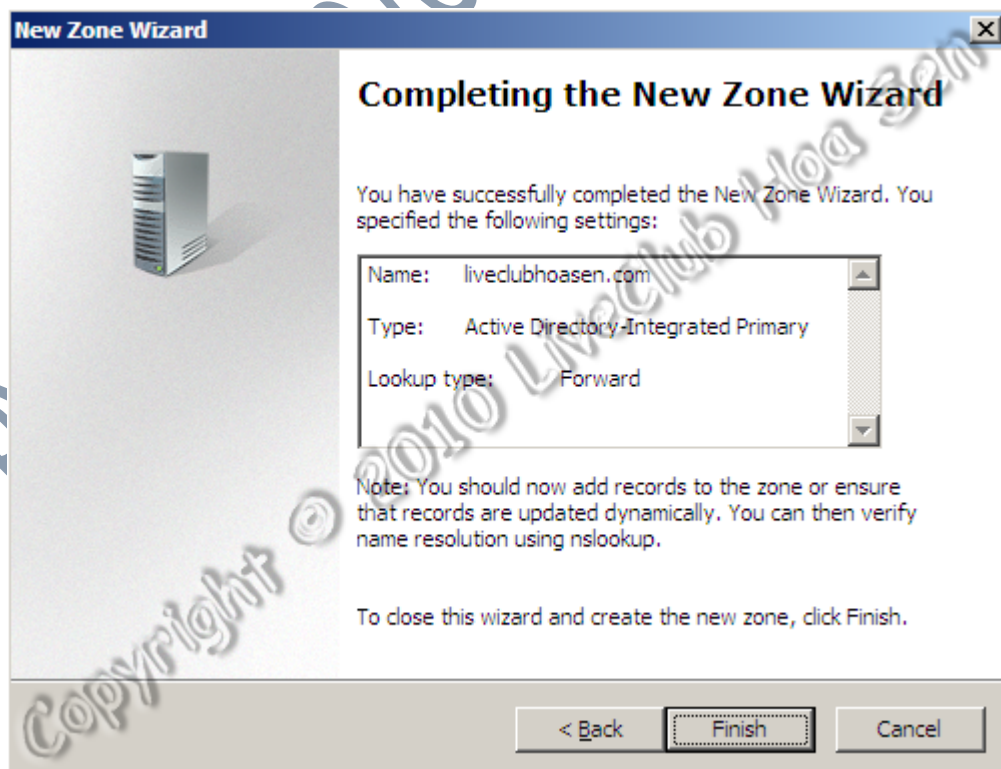
- Chọn Next. Tại bảng Zone Name gõ tên domain vào.



- Chọn Next. Tại bảng Zone File, để mặc định. Chọn Next.
- Tại bảng Dynamic Update bạn có thể ngăn chặn hoặc cho phép DNS Server chấp nhận các máy client cập nhật thông tin một cách tự động. Tôi sẽ ngăn chặn để đảm bảo an toàn cho hệ thống, chọn Allow both nonsecure dynamic updates.



- Chọn Next. Tại bảng Completing the New Zone Wizard bạn xem lại thông tin.



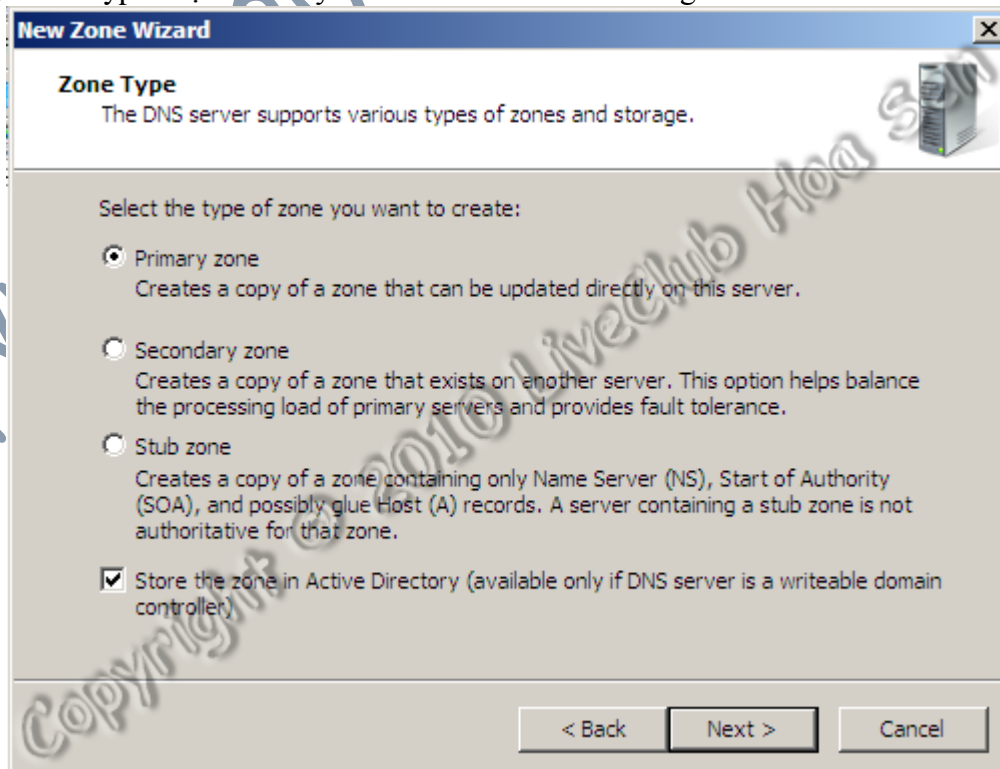
- Sau đó chọn Finish để hoàn tất.

** Như vậy bạn đã cấu hình chức năng forward (phân giải tên thành địa chỉ IP). Bây giờ cấu hình chức năng reverse (phân giải địa chỉ IP thành tên).*

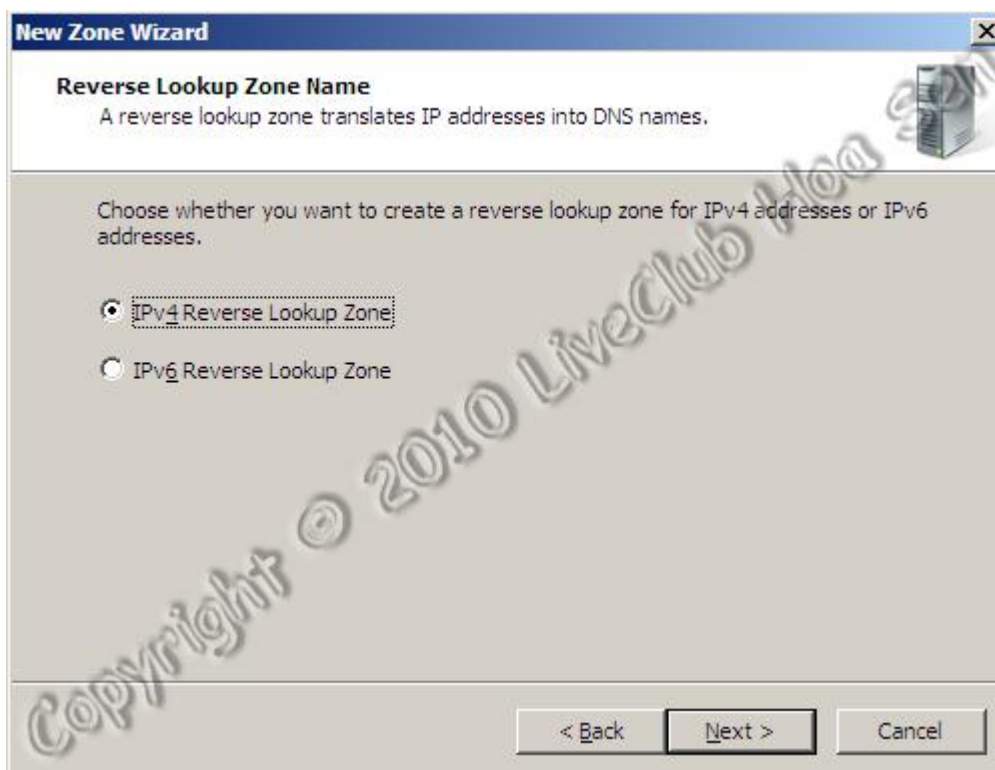
- Nhấp chuột phải vào Reverse Lookup Zones và chọn New Zone.
- Tại bảng Welcome to the New Zone Wizard chọn Next.



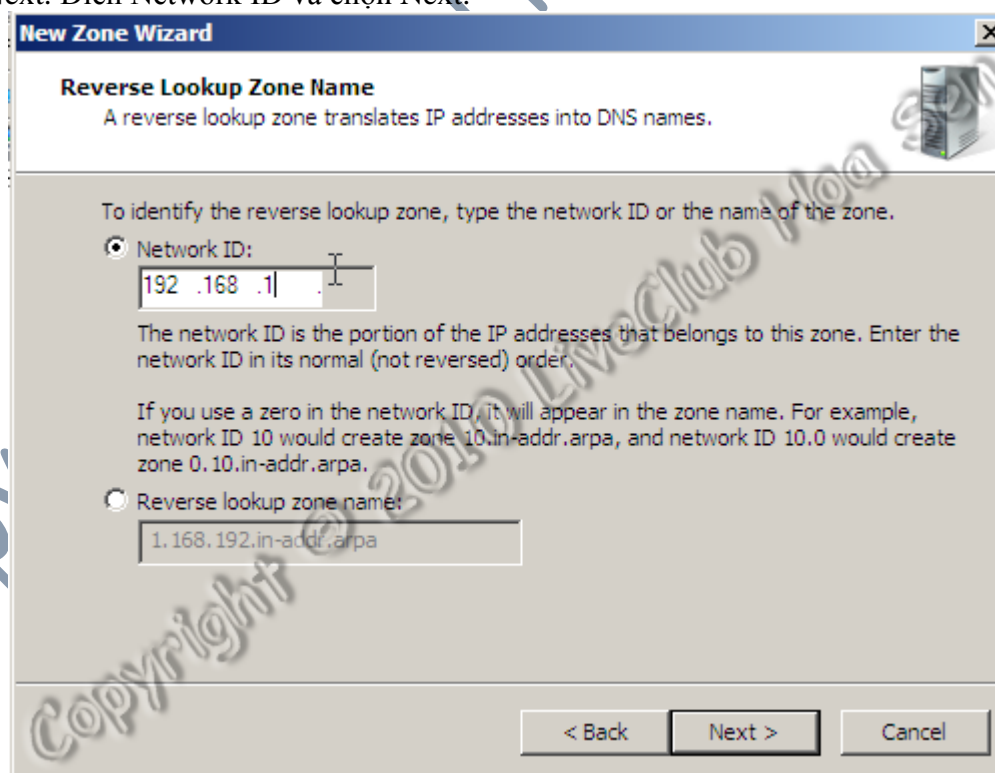
- Tại bảng Zone Type chọn Primary zone để cấu hình chức năng reverse cho DNS Server chính.



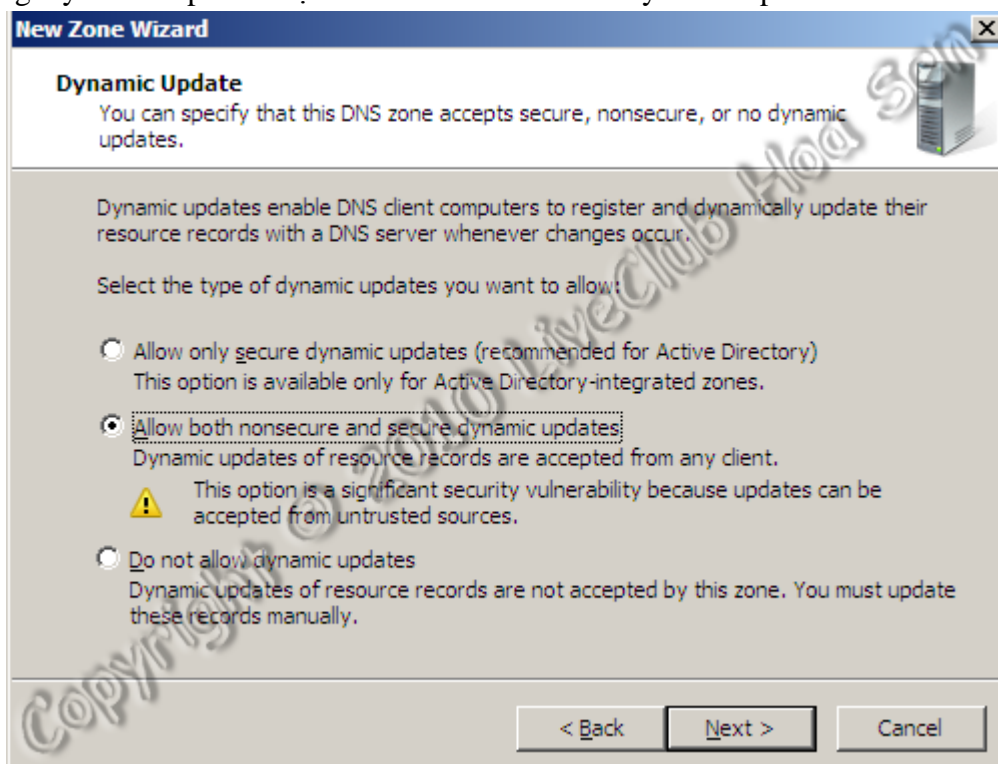
- Chọn Next. Tại bảng Reverse Lookup Zone Name chọn kiểu IP cần phân giải. Ở đây tôi chọn IPv4.



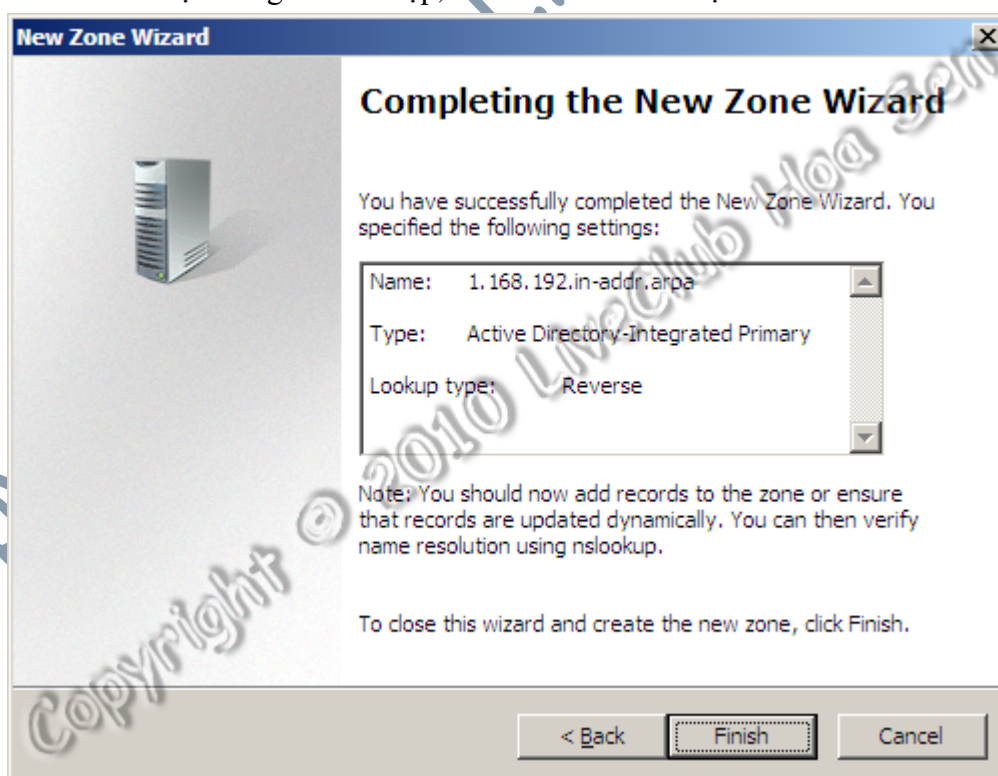
- Chọn Next. Điền Network ID và chọn Next.



- Tại bảng Zone File để mặc định. Chọn Next.
- Tại bảng Dynamic Update chọn Allow both nonsecure dynamic updates.

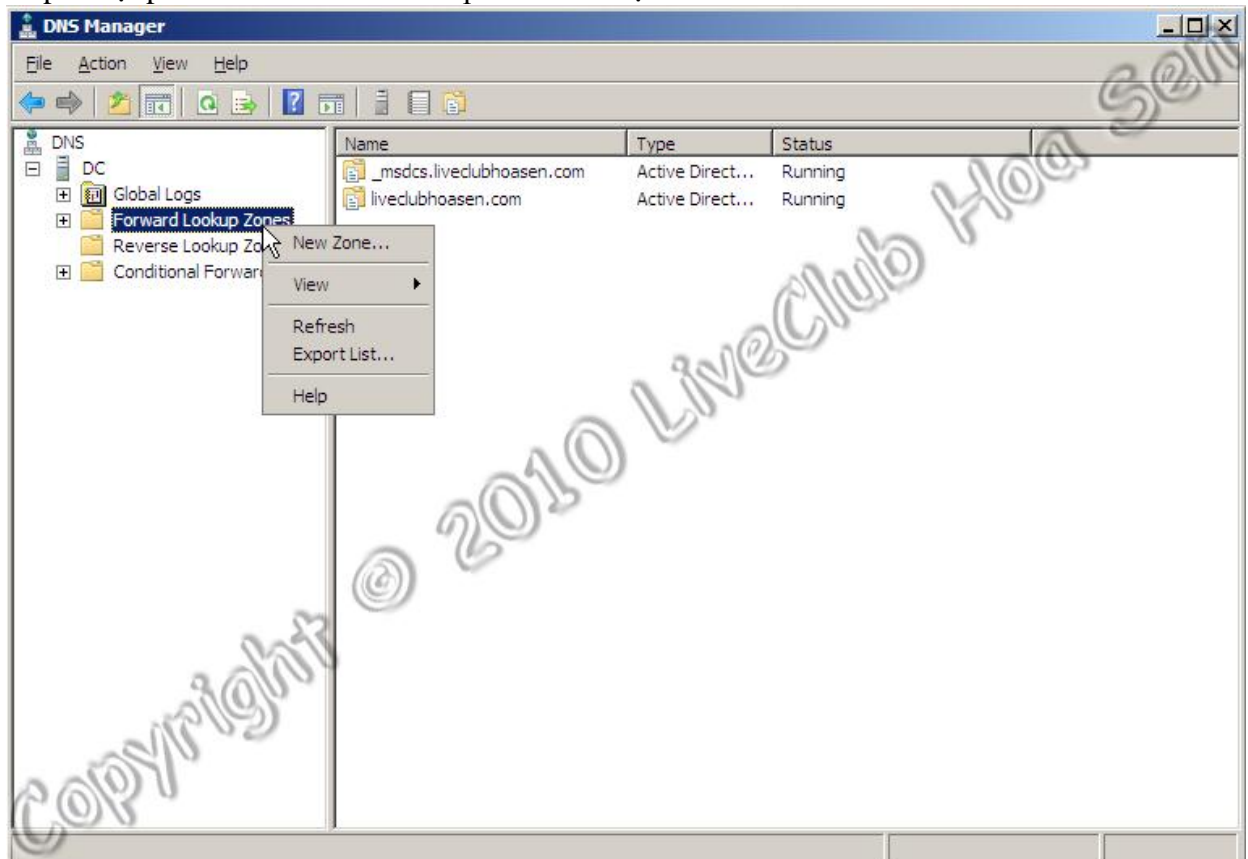


- Chọn Next và xem lại thông tin thiết lập, nếu đã chính xác chọn Finish.



2. Cấu hình DNS Server dự phòng:

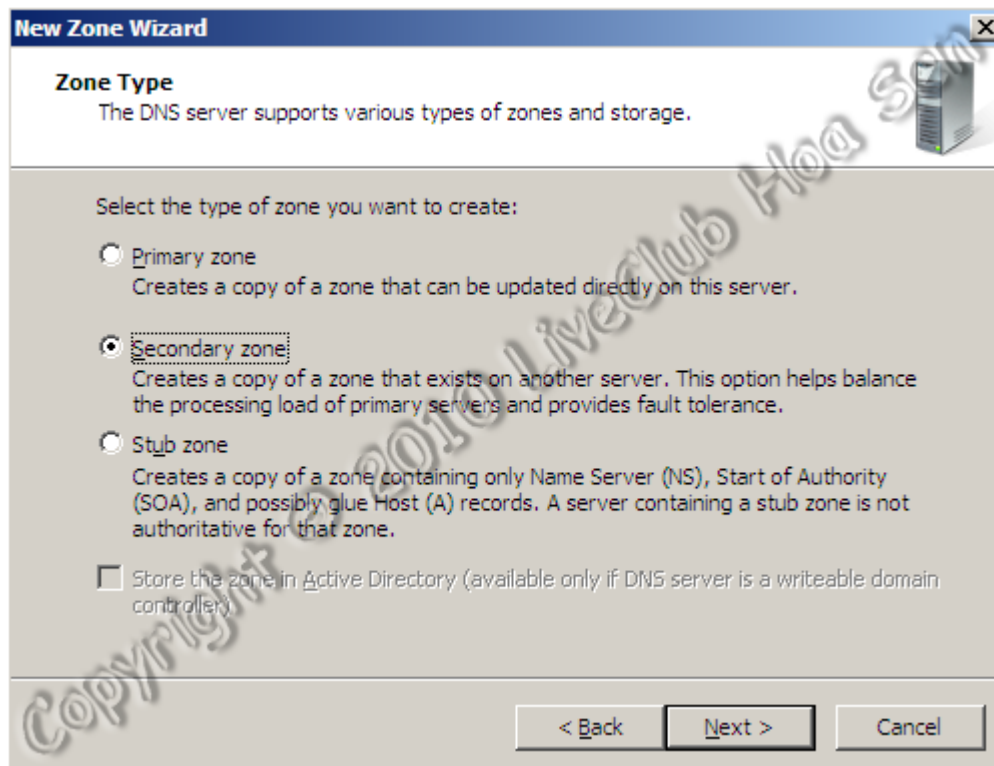
- Để cấu hình DNS Server Secondary cần một máy tính khác DNS Server Primary và đã cài đặt Windows Server 2008 và dịch vụ DNS Server .
- Vào Start → Administrative Tools → DNS.
- Nhấp chuột phải vào Forward Lookup Zone và chọn New Zone.



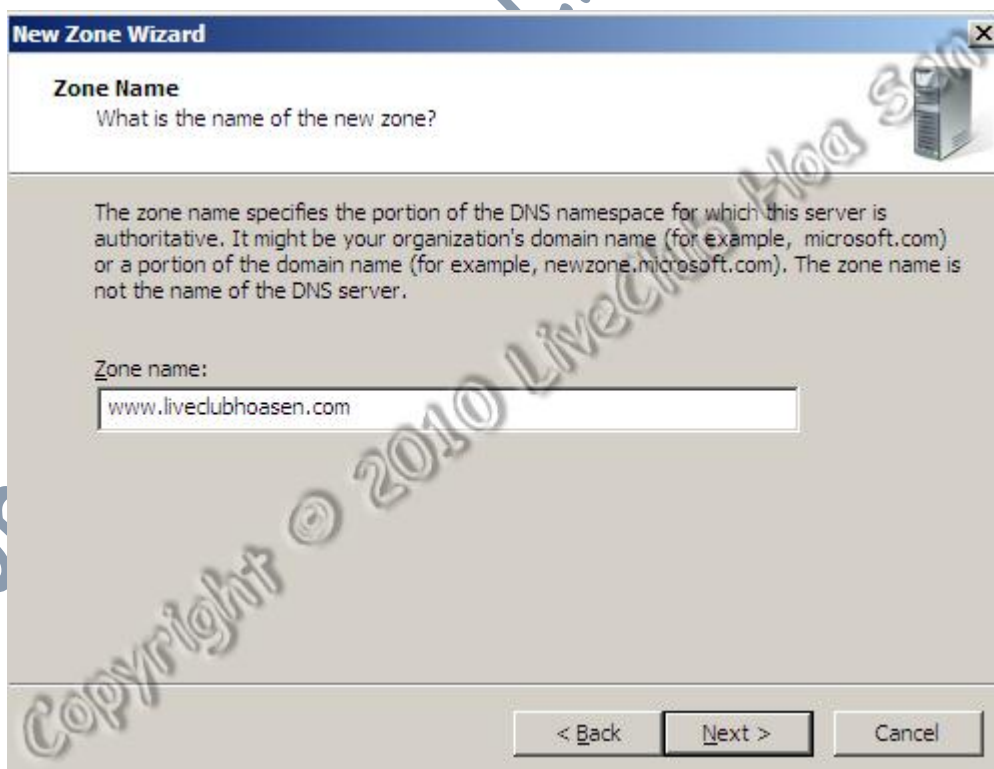
- Tại bảng Welcome the New Zone Wizard chọn Next.



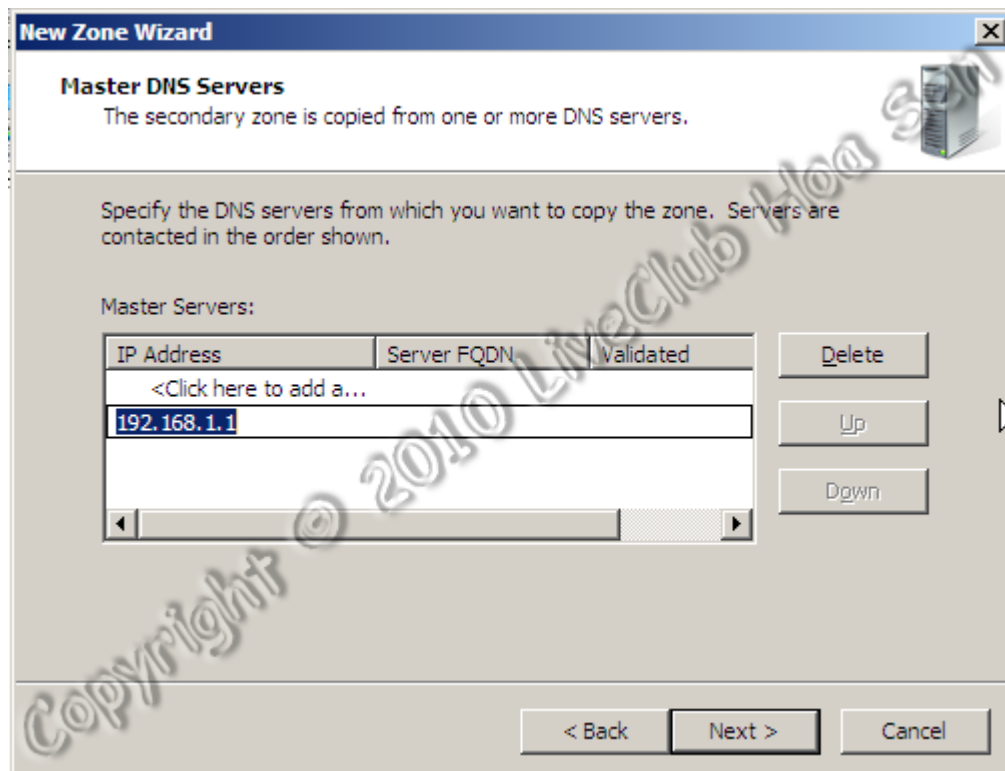
- Tại bảng Zone Type chọn Secondary Zone để cấu hình DNS Server dự phòng.



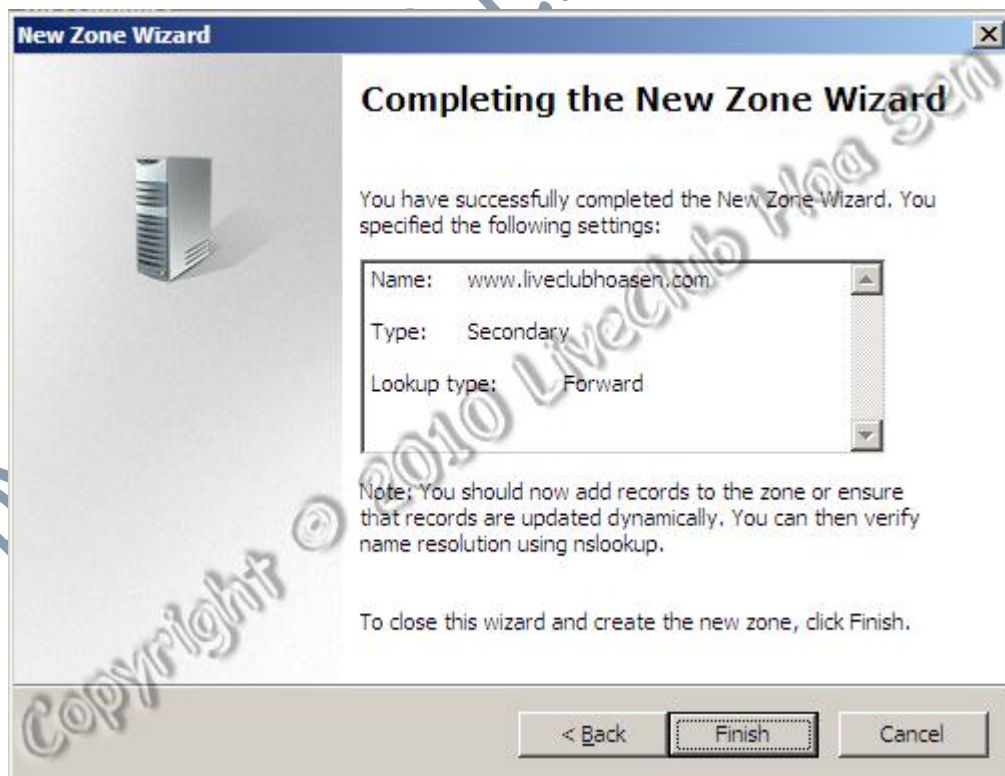
- Chọn Next. Tại bảng Zone Name nhập tên domain như DNS Server chính. Trường hợp này là www.liveclubhoasen.com.



- Chọn Next để tiếp tục. Tại bảng Master DNS Servers nhập địa chỉ IP của DNS Server chính. Đợi một thời gian để hệ thống kiểm tra.

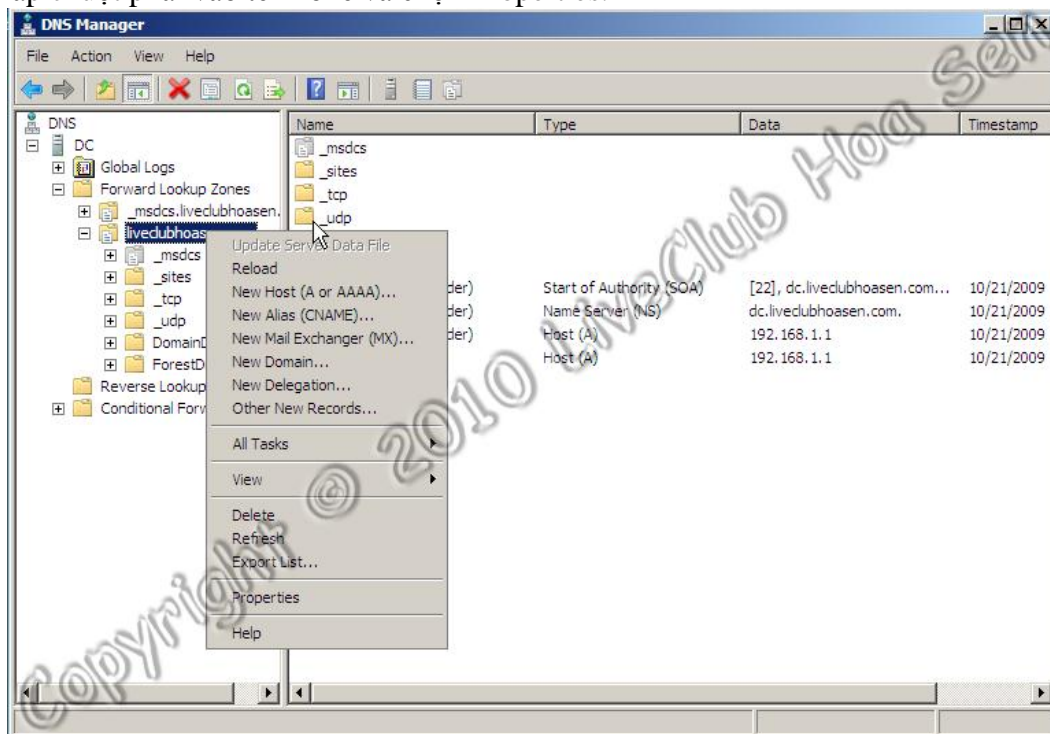


- Chọn Next. Tại bảng Completing the New Zone Wizard chọn Finish để hoàn tất.

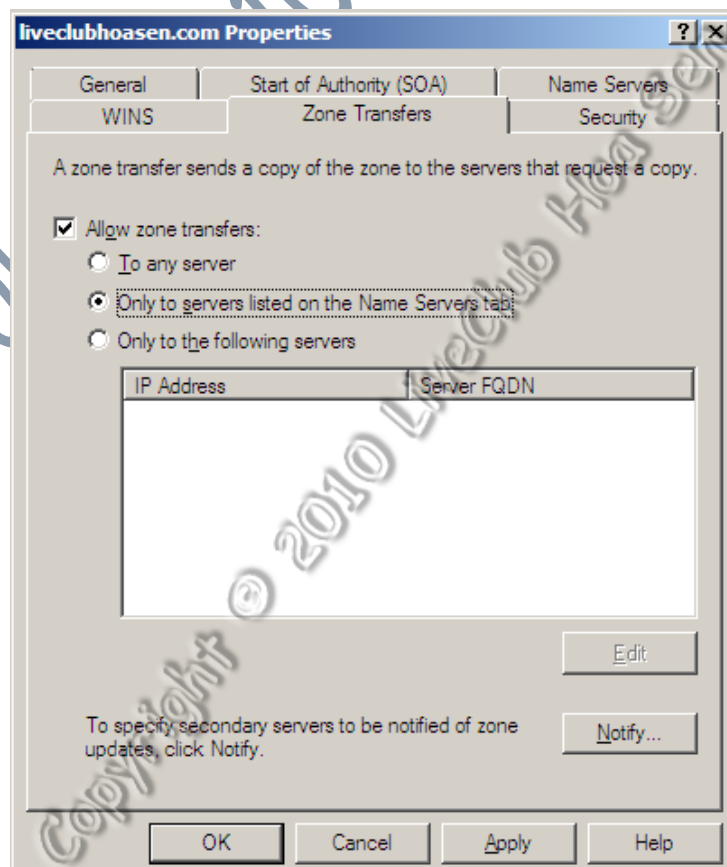


III. Đồng bộ dữ liệu giữa DNS Server chính và DNS Server dự phòng:

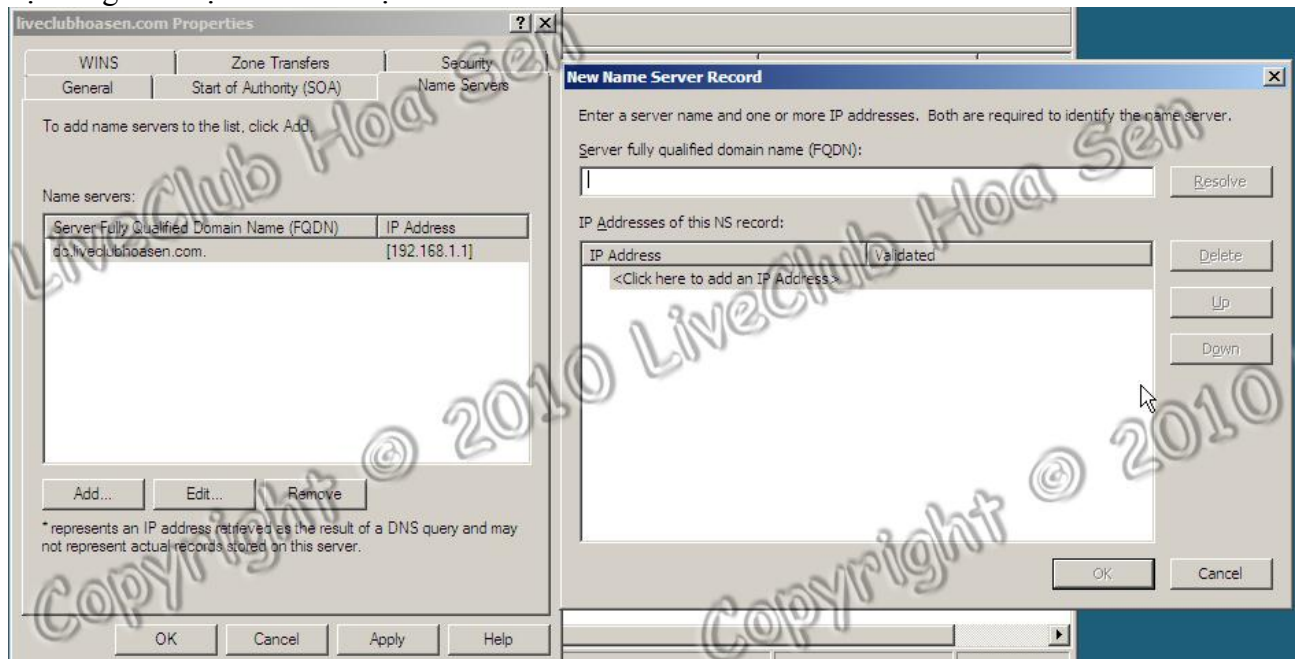
- Để đồng bộ dữ liệu giữa DNS Server chính và DNS Server dự phòng, bạn cần cấu hình chức năng Zone Transfers trên DNS Server chính.
- Tại DNS Server chính .Vào Start → Administrative Tools → DNS
- Nhấp chuột phải vào tên zone và chọn Properties.



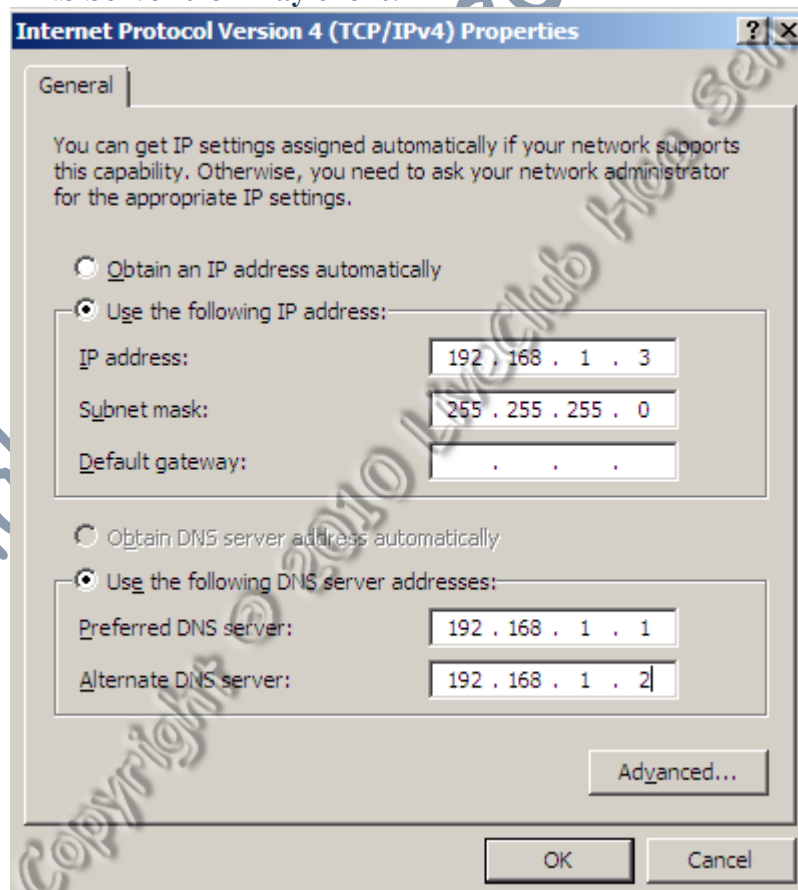
- Tại tab Zone Transfer, chọn Allow zone transfer. Chọn only to servers listed on the Name Servers tab. Đây là tùy chọn để bạn thêm vào DNS Server dự phòng.



- Chuyển qua tab Name Servers và chọn Add. Gõ địa chỉ IP của DNS Server dự phòng vào và đợi hệ thống xác thực. Sau đó chọn OK để hoàn tất.



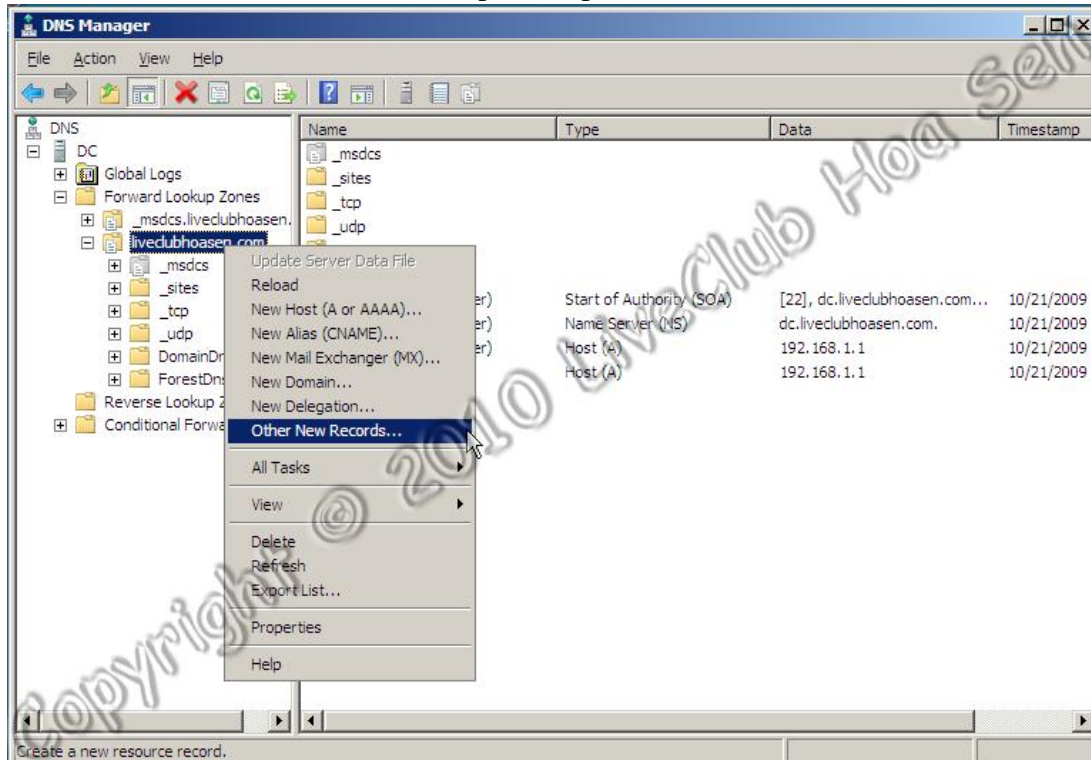
IV. Cấu hình địa chỉ DNS Server trên máy client:



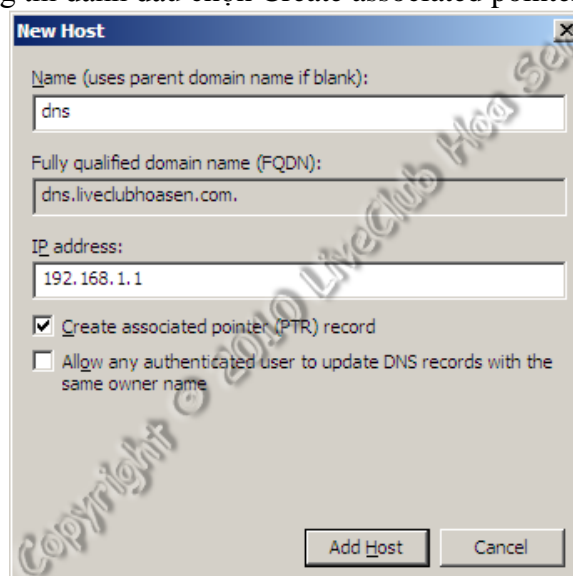
V. Bổ sung các bản ghi DNS vào DNS Server:

- Sau khi hoàn thành nhiệm vụ cài đặt và cấu hình DNS Server, bạn cần tạo cơ sở dữ liệu cho server này bằng cách bổ sung các bản ghi DNS. Thông thường bạn sẽ tương tác với ba loại bản ghi DNS phổ biến là Host (A), Alias(CNAME).

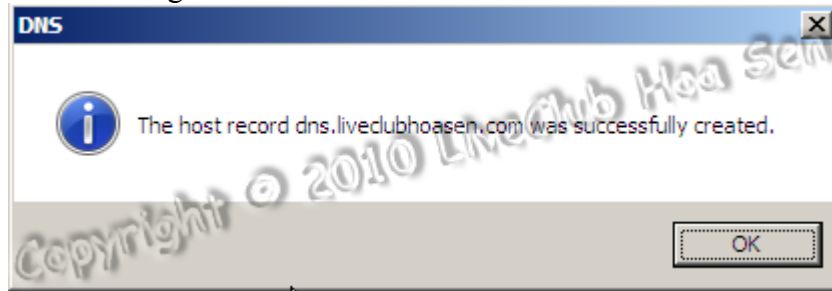
- Host (A): là bản ghi gồm domain và địa chỉ IP tương ứng .
Ví dụ: liveclubhoasen.com \leftrightarrow 192.168.1.1
- Alias (CNAME): là bản ghi bí danh, cho phép nhiều domain cùng ánh xạ đến một địa chỉ IP.
Ví dụ www.liveclubhoasen.com \rightarrow liveclubhoasen.com \leftrightarrow 192.168.1.1
- Nếu bạn muốn tạo các record khác. Nhấp chuột phải vào zone và chọn Other New Records.



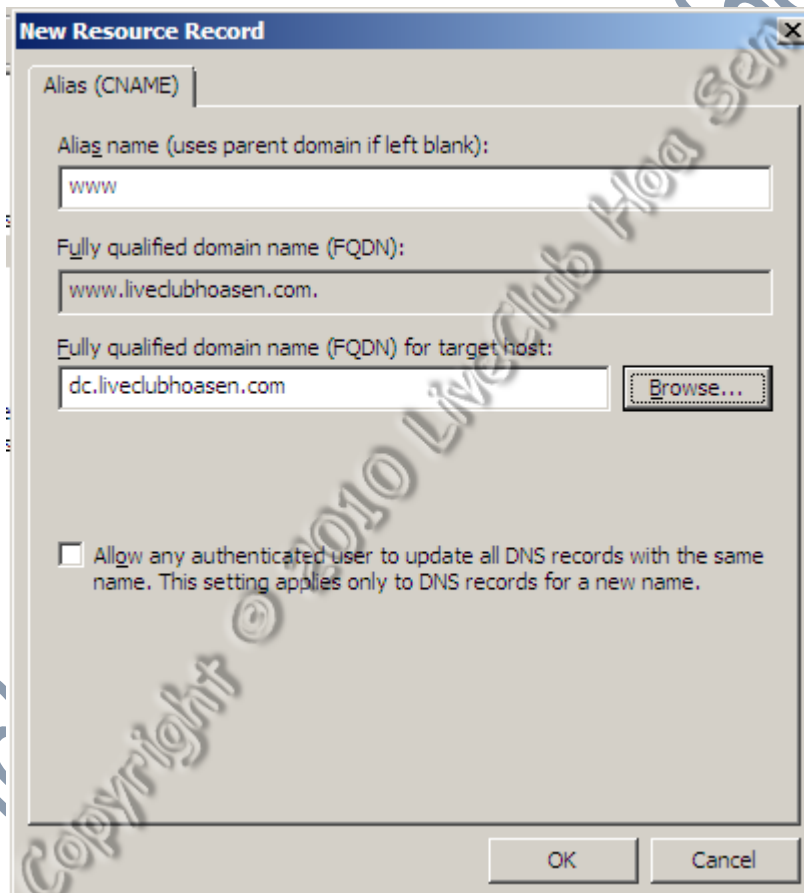
- Ở đây tôi sẽ hướng dẫn thao tác ba loại DNS record thường dùng.
- Vào Start \rightarrow Administrative Tools \rightarrow DNS. Nhấp chuột phải vào zone và chọn New Host (A or AAAA).
- Gõ tên host vào mục Name, gõ địa chỉ IP vào mục IP address. Nếu bạn muốn tạo ra một bản ghi DNS phân giải ngược tương ứng thì đánh dấu chọn Create associated pointer (PTR) record.
- Sau đó chọn Add Host.



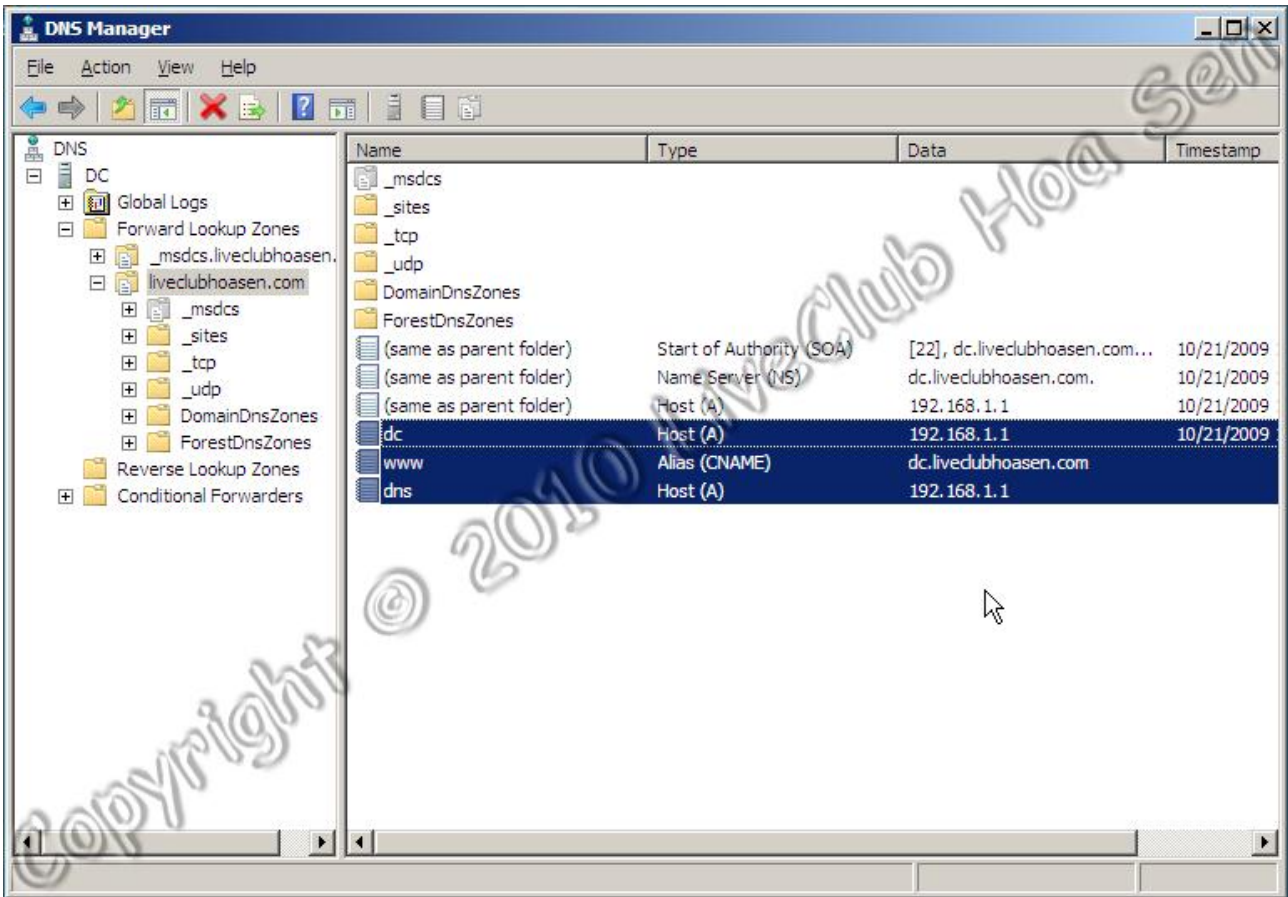
- Xuất hiện thông báo thành công.



- Chọn OK. Bảng New Host tiếp tục xuất hiện, chọn Done để kết thúc tạo bản ghi.
- Để tạo một bản ghi Alias, nhấp chuột phải vào zone và chọn New Alias (CNAME). Tương tự như trên, điền các thông tin vào.
- Tại mục Fully qualified domain name (FQDN) for target host, nếu bạn không nhớ, chọn Browse để tìm tên máy cần thiết.



- Sau khi đã điền thông tin đầy đủ. Chọn OK để hoàn tất.



☺-----The End -----☺